

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP
ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định
về tổ chức, hoạt động và quản lý hội**

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL/L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 45/2010/NĐ-CP).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP

1. Điểm b Khoản 6 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Hoàn chỉnh hồ sơ xin phép thành lập hội theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. Sau khi đã hoàn tất việc trừ bị thành lập hội, ban vận động thành lập hội gửi một bộ hồ sơ đến: Bộ Nội vụ đối với hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh; Sở Nội vụ đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, xã; Phòng Nội vụ (trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã).

Ban vận động thành lập hội tự giải thể khi đại hội bầu ra ban lãnh đạo của hội.”

2. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP khi nhận hồ sơ xin phép thành lập hội phải có giấy biên nhận. Trong thời hạn ba mươi ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định cho phép thành lập hội; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”.

3. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP quyết định phê duyệt điều lệ hội khi điều lệ hội đã được đại hội thông qua.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày làm việc kể từ ngày đại hội kết thúc, ban lãnh đạo hội gửi một bộ hồ sơ báo cáo kết quả đại hội theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và văn bản đề nghị phê duyệt điều lệ hội đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

3. Trong thời hạn ba mươi ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp pháp theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP quyết định phê duyệt điều lệ.

Trường hợp điều lệ hội có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP có quyền từ chối phê duyệt và yêu cầu, hướng dẫn ban lãnh đạo hội hoàn chỉnh điều lệ hội phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Điều lệ hội có hiệu lực kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt”.

4. Bổ sung Điều 25a sau Điều 25 như sau:

“Điều 25a. Thủ tục, hồ sơ chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, các quy định pháp luật có liên quan và nghị quyết đại hội của hội.

2. Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội:

a) Hội thực hiện việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện một bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội hoạt động;

b) Trong thời hạn ba mươi ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP xem xét, quyết định cho phép việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội;

c) Các hội chia, sáp nhập, hợp nhất (trừ trường hợp tách hội) chấm dứt tồn tại và hoạt động sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP cho phép chia, sáp nhập, hợp nhất hội. Các quyền và nghĩa vụ của hội chia, sáp nhập, hợp nhất được chuyển giao cho các hội mới. Đối với trường hợp tách hội, thì hội tách và hội thành lập mới do tách hội phải cùng nhau chịu trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ của hội trước khi tách.

3. Hồ sơ chia, tách, sáp nhập; hợp nhất hội, gồm:

a) Đơn đề nghị chia, tách, sáp nhập; hợp nhất hội (bản chính);

b) Đề án chia, tách, sáp nhập; hợp nhất hội, trong đề án phải có phương án giải quyết tài sản, tài chính, lao động, phân định chức năng, quyền hạn, lĩnh vực hoạt động và trách nhiệm, nghĩa vụ phải thực hiện (bản chính);

c) Nghị quyết đại hội của hội về việc chia, tách, sáp nhập; hợp nhất hội (bản chính);

d) Dự thảo điều lệ hội mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội;

đ) Danh sách ban lãnh đạo lâm thời của hội thành lập mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội. Ban lãnh đạo lâm thời do đại hội bầu, số lượng thành viên do đại hội quyết định, ban lãnh đạo lâm thời tự giải thể sau khi đại hội bầu ban lãnh đạo của hội;

e) Sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu ban lãnh đạo lâm thời (bản chính);

g) Văn bản xác nhận nơi dự kiến đặt trụ sở của hội hình thành mới do chia, tách, sáp nhập; hợp nhất hội (bản chính).

4. Thu hồi con dấu

Việc thu hồi con dấu đối với các hội chia, sáp nhập, hợp nhất chấm dứt tồn tại, hoạt động sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Tổ chức đại hội và phê duyệt điều lệ hội thành lập mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội

a) Trong thời hạn ba mươi ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP cho phép chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội, các hội mới được hình thành phải tổ chức đại hội để thông qua các nội dung được quy định tại Điều 11 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

b) Các hội mới được hình thành do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất lập một bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP để xem xét, phê duyệt điều lệ hội.”

5. Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 27. Trách nhiệm của ban lãnh đạo hội khi hội tự giải thể

1. Lập hồ sơ tự giải thể, gồm:

a) Đơn đề nghị giải thể hội (bản chính);

b) Nghị quyết giải thể hội (bản chính);

c) Bản kê tài sản, tài chính (bản chính);

d) Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính, lao động và thời hạn thanh toán các khoản nợ (bản chính).

2. Thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật trên năm số liên tiếp ở báo Trung ương đối với hội có phạm vi hoạt động cả nước và liên tỉnh, năm số liên tiếp ở báo địa phương đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh.

3. Giải quyết tài sản, tài chính theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trong thời hạn ba mươi ngày làm việc kể từ ngày hội tự giải thể theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, hội thực hiện các quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và gửi một bộ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực chính hội hoạt động.”

Điều 2. Bãi bỏ các quy định

1. Bãi bỏ quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ quy định tại Điều 4 và Điều 11 Thông tư số 11/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ trưởng có liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b) .KN. 240

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng